

Số: 76 /GPMT-UBND

Đồng Nai, ngày 28 tháng 8 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường số 735/BQLDA ngày 11 tháng 4 năm 2024; Văn bản số 1529/BQLDA ngày 06 tháng 8 năm 2024 của Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án “Trường tiểu học Tín Nghĩa, hạng mục: xây dựng mới 21 phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng” tại xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 408/TTr-STNMT ngày 16 tháng 8 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất, địa chỉ tại đường N2, khu Trung tâm hành chính huyện Thống Nhất, KP Lập Thành, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Trường tiểu học Tín Nghĩa, hạng mục: Xây dựng mới 21 phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng” tại xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, với các nội dung như sau:

#### 1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: “Trường tiểu học Tín Nghĩa, hạng mục: xây dựng mới 21 phòng học, phòng bộ môn, phòng chức năng”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Quyết định thành lập: Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân huyện Thống Nhất về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trường tiểu học Tín Nghĩa tại xã Xuân Thiện, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai

1.4. Mã số thuế: 3601495112.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trường tiểu học.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Phạm vi: Diện tích khu đất Dự án 15.000 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 8 năm 2024 đến ngày 28 tháng 8 năm 2034).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Ban Quản lý dự án huyện Thống Nhất;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Thống Nhất;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*

**Võ Văn Phi**

*[Vertical red stamp on the right margin]*



## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của giáo viên, cán bộ công nhân viên và học sinh tại trường học.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1 Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước đường Đông Kim-Xuân Thiện, sau đó dẫn ra suối Đá, thoát về suối Tam Bung và ra nguồn tiếp nhận cuối cùng là sông La Ngà.

#### 2.2 Vị trí xả nước thải:

- Tại hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước đường Đông Kim-Xuân Thiện.

- Tọa độ vị trí xả nước thải sau xử lý: X = 1219890; Y = 442932 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup> 45', múi chiều 3<sup>0</sup>.

2.3 Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1 Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2 Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).



| TT | Chất ô nhiễm                         | Đơn vị tính | Giá trị giới hạn cho phép | Tần suất quan trắc định kỳ                        |
|----|--------------------------------------|-------------|---------------------------|---|
| 1  | pH                                   | -           | 5 - 9                     | Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ |
| 2  | BOD <sub>5</sub> (20 <sup>0</sup> C) | mg/l        | 30                        |   |
| 3  | TSS                                  | mg/l        | 50                        |   |
| 4  | Tổng chất rắn hòa tan                | mg/l        | 500                       |   |
| 5  | Sunfua                               | mg/l        | 1,0                       |   |
| 6  | Amoni                                | mg/l        | 5                         |   |
| 7  | Nitrat                               | mg/l        | 30                        |   |
| 8  | Dầu mỡ động, thực vật                | mg/l        | 10                        |   |
| 9  | Tổng các chất hoạt động bề mặt       | mg/l        | 5                         |   |
| 10 | Phosphat                             | mg/l        | 6                         |   |
| 11 | Tổng Coliforms                       | MPN/100ml   | 3000                      |   |

2.3.3 Chất lượng nước thải trước khi xả thải vào nguồn nước tiếp nhận phải

bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0, cụ thể như sau:

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

#### **1.1. Mạng lưới thu gom nước mưa, nước thải:**

- Nước mưa được thu gom vào cống BTCT Ø300,  $i = 0,3\%$  bố trí dưới vỉa hè dọc theo các trục đường. Nước mưa từ mái nhà sẽ được thu gom bằng máng thu và ống dẫn uPVC Ø90 từ trên mái thẳng xuống cống thoát nước, sau đó theo đường cống BTCT Ø300,  $i = 0,3\%$  thoát ra hệ thống thoát nước khu vực.

- Hệ thống thu gom và thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thu gom và thoát nước mưa.

- Nước thải sinh hoạt từ chậu rửa và nhà vệ sinh được thu vào ống thoát nước thải riêng được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn (03 bể tự hoại), sau đó đầu nối vào đường ống HDPE D140 thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0.

- Nước thải sau xử lý theo đường ống HDPE D160 đến hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước đường Đông Kim - Xuân Thiện.

#### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (qua bể tự hoại) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bể khử trùng → Đầu nối thoát nước vào hệ thống thoát nước đường Đông Kim - Xuân Thiện.

- Công suất thiết kế: 25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Clorin (32 kg/năm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

#### **1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:**

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình công nghệ.

- Vận hành và bảo dưỡng các máy móc thiết bị trong hệ thống một cách thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; kịp thời hay thế các thiết bị hư hỏng đảm bảo hoạt động thường xuyên, liên tục và hiệu quả.

- Lập sổ theo dõi lưu lượng, tính chất nước thải và sự ổn định của hệ thống, đồng thời cũng là tạo ra cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất; không để vượt công suất xử lý.

- Kiểm tra quá trình thu gom nước thải của tuyến ống dẫn nhằm kịp thời khắc phục thay thế kịp thời các vị trí bị rò rỉ nước thải.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục khi có sự cố xảy ra.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:**

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt, công suất 25 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí xả thải, tọa độ vị trí xả thải: Tọa độ X = 1219890; Y = 442932 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107<sup>0</sup>45, múi chiều 3<sup>0</sup>.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: thực hiện theo nội dung được cấp phép tại phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

Giai đoạn vận hành ổn định: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận nước thải theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1,0; không xả nước thải chưa xử lý ra môi trường; công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi chặt chẽ lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường. Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải. Nghiêm cấm việc xả nước thải hoặc các chất thải khác vào hệ thống thoát nước mưa.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện xử lý nước thải và xả nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận.



## Phụ lục 2

# YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76/GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với khí thải theo quy định.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI, KHÍ THẢI

- Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.
- Thường xuyên thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi phát sinh từ khu vực xử lý nước thải, khu vực lưu giữ chất thải.
- Theo dõi, vận hành công trình theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của dự án, tránh phát sinh mùi từ các bể xử lý sinh học; thực hiện các biện pháp khắc phục kịp thời trong trường hợp phát sinh mùi ảnh hưởng tới các dãy lớp học và khu dân cư hiện hữu.
- Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.



### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Tiếng ồn

##### 1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: hoạt động của các máy móc thiết bị (máy thổi khí, máy bơm hệ thống xử lý nước thải, ...)
- Nguồn số 02: Hoạt động các phương tiện giao thông tại công trường.

##### 1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01 có toạ độ: X = 1217870, Y = 442232

- Nguồn số 02 có toạ độ: X = 1215680, Y = 442720

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến 107<sup>0</sup>45 múi chiều 3<sup>0</sup>)

1.3 Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

| TT | Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA) | Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA) | Tần suất quan trắc định kỳ                        | Ghi chú          |
|----|---------------------------|---------------------------|---|------------------|
| 1  | 55                        | 45                        | Không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc định kỳ | Khu vực đặc biệt |

2. Độ rung: Không phát sinh.

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt,...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Giới hạn tốc độ di chuyển trong khu vực dự án để hạn chế tiếng ồn, hạn chế bóp còi trong khu vực dự án.
- Bố trí vành đai cây xanh bao quanh khuôn viên cũng góp phần giảm thiểu tiếng ồn phát tán ra khu vực xung quanh.
- Yêu cầu phương tiện vận chuyển rác thải sinh hoạt chở đúng trọng tải quy định, phương tiện vận chuyển còn niên hạn sử dụng.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn.





Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất nguy hại phát sinh thường xuyên:

| TT                     | Tên chất thải   | Trạng thái tồn tại | Mã chất thải | Ký hiệu phân loại | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------------|---|--------------------|--------------|-------------------|---------------------|
| 1                      | Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại  | Rắn                | 18 02 01     | KS                | 2                   |
| 2                      | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải (bóng đèn Led)   | Rắn                | 19 02 06     | NH                | 5                   |
| 3                      | Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện (khác với các loại nêu tại mã 16 01 06, 16 01 07, 16 01 12) có các linh kiện điện tử (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng NH) | Rắn                | 16 01 13     | NH                | 10                  |
| 4                      | Bao bì cứng thải (không chứa hoá chất nông nghiệp có gốc halogen hữu cơ): chai thuốc diệt cỏ  | Rắn                | 14 01 06     | KS                | 12                  |
| 5                      | Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải: bình xịt côn trùng   | Rắn                | 18 01 02     | KS                | 10                  |
| 6                      | Các thiết bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng có chứa thủy ngân (như nhiệt kế)  | Rắn                | 13 03 02     | NH                | 5                   |
| 7                      | Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải: bao bì chứa hóa chất, phân bón cho cây trồng, ...   | Rắn                | 18 01 01     | KS                | 10                  |
| 8                      | Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải: bao bì chứa hóa chất xử lý nước thải, nước tẩy, ...   | Rắn                | 18 01 03     | KS                | 10                  |
| <b>TỔNG KHỐI LƯỢNG</b> |   |                    |              |                   | <b>64</b>           |

1.2 Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh

| Stt | Tên chất thải          | Trạng thái tồn tại (R/L/B) | Mã chất thải | Khối lượng phát sinh tối đa (kg/năm) | Ký hiệu |
|-----|------------------------|----------------------------|--------------|--------------------------------------|---------|
| 1   | Bùn thải từ bể tự hoại | Bùn                        | -            | 69.498                               | TT      |

|                  |  |     |          |               |      |
|------------------|--|-----|----------|---------------|------|
| 2                | Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (Bùn sinh học)  | Bùn | -        | 7.020         | TT   |
| 3                | Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ   | Rắn | 18 01 05 | 25            | TT-R |
| 4                | Các dụng cụ học tập, đồ nhựa hư hỏng thải bỏ không chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại                                 | Rắn | -        | 12            | TT-R |
| 5                | Hộp chứa mực in (loại không có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực như mực in văn phòng, sách báo) thải | Rắn | 08 02 08 | 5             | TT   |
| 6                | Dược phẩm không có thành phần gây độc tế bào thải  | Rắn | 13 01 07 | 1             | TT   |
| 7                | Lá cây khô   | Rắn | -        | 60            | TT   |
| 8                | Chất thải y tế thông thường  | Rắn | 13 01 05 | 60            | TT   |
| <b>Tổng cộng</b> |  |     |          | <b>76.681</b> |      |

### 1.3 Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

| TT               | Tên chất thải                          | Khối lượng (kg/năm) |
|------------------|--|---------------------|
| 1                | Chất thải rắn sinh hoạt nhóm thực phẩm | 74.523,24           |
| 2                | Chất thải rắn sinh hoạt nhóm tái chế   | 7.013,952           |
| 3                | Chất thải rắn sinh hoạt còn lại        | 6.137,208           |
| <b>Tổng cộng</b> |  | <b>87.674,4</b>     |

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

### 2.1 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa dung tích chứa 60 - 120lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong khuôn viên: 05 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong khuôn viên: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông chống thấm.

### 2.2 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa trong khuôn viên: 03 m<sup>2</sup>.
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong khuôn viên: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

### 2.3 Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1 Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy, dung tích chứa 240 lít/thùng.

2.3.2 Khu vực lưu chứa trong khuôn viên: 10 m<sup>2</sup>.

2.3.3 Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong khuôn viên: Mái che bằng tôn, tường bao xung quanh, nền bê tông.

Thực hiện tuyên truyền, phổ biến chương trình phân loại chất thải tại nguồn theo yêu cầu và quy định của địa phương. Hướng dẫn học sinh thực hiện phân loại theo quy định.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

1. Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải, kiểm soát và tăng cường các biện pháp hạn chế mùi hôi phát sinh từ khu vực lưu giữ.

2. Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.





## Phụ lục 5

### CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 76 /GPMT-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

#### A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

#### B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:** Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường.

#### D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải; công trình xây dựng của dự án.

2. Đảm bảo tiến độ thực hiện dự án phải phù hợp với tiến độ đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

4. Có biện pháp kiểm soát chất lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải đảm bảo đạt giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT, cột A,  $K = 1,0$ ; tuyệt đối không xả nước thải không đạt quy chuẩn ra môi trường tiếp nhận; minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải trong khuôn viên dự án; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

5. Công khai, minh bạch vị trí đầu nối nước mưa, nước thải của dự án.

6. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

7. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu.

8. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ



phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

9. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và thực hiện chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm theo quy định.

10. Trong quá trình hoạt động nếu Dự án đầu tư có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến các cơ quan có liên quan. Chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình thực hiện.

11. Dự án chỉ được triển khai sau khi hoàn thành các thủ tục về đất đai, xây dựng và các quy định khác có liên quan.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.